

Số: /BC-UBND

Hải Dương, ngày tháng 12 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025** *(Tài liệu báo cáo tại kỳ họp thứ 15 - HĐND tỉnh khóa XVI)*

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 38 /2019/TT-BTC ngày 28 /6/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2020-2022, Kế hoạch tài chính 5 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025 như sau:

#### **A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH - NSNN TỈNH HẢI DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020.**

##### **I. Đánh giá việc ban hành các chế độ, chính sách về thu, chi theo thẩm quyền, số thu, chi đối với các chế độ chính sách này trong giai đoạn 2016-2020.**

Giai đoạn 2016-2019, HĐND, UBND tỉnh ban hành nhiều quy định về tổ chức điều hành, quản lý sử dụng NSNN; chế độ tiêu chuẩn chi tiêu; mức thu, phí lệ phí; chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí hàng năm; công khai tài chính; các chương trình, kế hoạch, quyết định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, về quản lý tài sản công... đảm bảo cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường quản lý, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát nâng cao hiệu quả trong sử dụng NSNN, trong đó:

- Quyết định 34/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định hệ thống định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017 – 2020;

- Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, tuy định thời hạn phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách cấp huyện, xã.

- Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 Quyết định ban hành qui định cụ thể một số định mức, chế độ, tiêu chuẩn trong chi tiêu, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí phục vụ bầu cử Quốc hội khóa XIV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021;

- Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 V/v Quy định một số nội dung về thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 Về việc quy định mức thu học phí tại các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, trung cấp chuyên nghiệp, mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh quản lý năm học 2016- 2017;

- Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương;

- Quyết định 22/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định giá dịch vụ khám chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Quyết định 20/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định mức thu học phí tại các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, trung cấp chuyên nghiệp, mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh quản lý năm học 2017 – 2018, lộ trình đến năm học 2020 – 2021.

- Quyết định 21/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Quyết định 04/2018/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh Hải Dương quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Quyết định 09/2018/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh Hải Dương quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh Hải Dương quy định một số nội dung về trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hải Dương

- Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Hải Dương điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định giá, mức hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định giá, mức hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Hải Dương

- Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh Hải Dương sửa đổi, bổ sung Quyết định số 35/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, tuy định thời hạn phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách cấp huyện, xã.

- Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh Hải Dương quy định một số cơ chế đặc thù về tài chính đối với Thành phố Hải Dương, Thị xã Chí Linh, huyện Kinh Môn.

## **II. Đánh giá kết quả chủ yếu về tài chính – NSNN**

Nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVI, trong bối cảnh kinh tế quốc tế có xu hướng phục hồi, kinh tế xã hội cả nước tiếp tục có những chuyển biến tích cực, song vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức nhất là đại dịch Covid-19 và dịch tả lợn châu Phi đã tác động trực tiếp đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bên cạnh đó, năm 2017 là năm đầu tiên triển khai thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13, năm đầu thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020 có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc khóa XII, Nghị quyết Đại hội Đảng tỉnh Hải Dương khóa XVI và cũng là năm đầu tiên tỉnh Hải Dương trở thành tỉnh tự cân đối ngân sách nên gặp nhiều khó khăn thách thức để đảm bảo đủ nguồn lực thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế của cả giai đoạn 2017-2020.

Tuy nhiên, kế thừa những kết quả đạt được của nhiệm kỳ trước, với sự nỗ lực, sáng tạo, quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo, được sự chỉ đạo, điều hành sát sao của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, nhân dân và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, sự chủ động trong điều hành ngân sách của các cấp, các ngành, dự toán thu chi ngân sách 5 năm đã đạt được những kết quả tích cực, cụ thể như sau:

### **1. Về thu ngân sách**

- Dự toán giai đoạn 2016-2020: Tổng dự toán thu NSNN trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 là 70.685 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự toán thu nội địa: 58.315 tỷ đồng;

+ Dự toán thu từ xuất nhập khẩu: 12.370 tỷ đồng.

- Thực hiện giai đoạn 2016-2020: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước đạt 79.526,748 tỷ đồng, đạt 112% so với dự toán giao, trong đó:

+ Thu nội địa đạt : 63.798,296 tỷ đồng đạt 110% so với dự toán giao;

+ Thu xuất nhập khẩu: 15.303,330 tỷ đồng đạt 128% so với dự toán giao;

+ Thu viện trợ + huy động đóng góp: 313,196 tỷ đồng;

+ Thu từ các khoản cho vay của ngân sách: 37,995 tỷ đồng;

+ Thu quỹ dự trữ tài chính: 73,9 tỷ đồng.

#### ***Cụ thể hàng năm như sau:***

\* Năm 2016: Thu NSNN trên địa bàn: 11.160 tỷ 165 triệu đồng đạt 112% dự toán, bao gồm:

- Thu nội địa: 8.834 tỷ 812 triệu đồng, đạt 110% dự toán;

- Thu từ hoạt động XNK: 2.320 tỷ 798 triệu đồng đạt 122% dự toán;

- Thu huy động đóng góp: 4 tỷ 555 triệu đồng.

\* Năm 2017: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 14.893 tỷ 725 triệu đồng, bằng 118% dự toán (Ngân sách địa phương được hưởng: 10.757 tỷ 474 triệu đồng), *bao gồm:*

- Thu nội địa: 11.453 tỷ 691 triệu đồng, bằng 109% so với dự toán;

- Thu huy động đóng góp: 55 tỷ 614 triệu đồng;

- Thu viện trợ: 16 tỷ 494 triệu đồng;

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 3.329 tỷ 026 triệu đồng, bằng 159% dự toán;

- Thu quỹ dự trữ tài chính: 38 tỷ 900 triệu đồng.

\* Năm 2018: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 17.191 tỷ 106 triệu đồng, bằng 119% dự toán Trung ương giao, bằng 118,3% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 115,4% cùng kì năm trước (Ngân sách địa phương được hưởng: 13.088 tỷ 370 triệu đồng), *bao gồm:*

- Thu nội địa: 13.769 tỷ 633 triệu đồng, bằng 122,6% dự toán trung ương giao, bằng 121,5% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 120,2% cùng kì năm trước;

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 3.322 tỷ 450 triệu đồng, bằng 103,8% dự toán, bằng 99,8% cùng kì năm trước;

- Thu viện trợ: 20 tỷ 270 triệu đồng;

- Thu huy động đóng góp: 62 tỷ 444 triệu đồng;

- Thu từ các khoản cho vay của ngân sách: 16 tỷ 309 triệu đồng.

\* Năm 2019: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 20.060 tỷ 147 triệu đồng, bằng 135% dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, bằng 117% cùng kì năm trước (Ngân sách địa phương được hưởng: 14.843 tỷ 505 triệu đồng), *bao gồm:*

- Thu nội địa: 16.081 tỷ 160 triệu đồng, bằng 134% dự toán trung ương giao và HĐND tỉnh giao, bằng 117% cùng kì năm trước;

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 3.858 tỷ 482 triệu đồng, bằng 137% dự toán, bằng 116% cùng kì năm trước;

- Thu viện trợ: 4 tỷ 086 triệu đồng;

- Thu huy động đóng góp: 59 tỷ 733 triệu đồng;

- Thu từ các khoản cho vay của ngân sách: 21 tỷ 686 triệu đồng;

- Thu quỹ dự trữ tài chính: 35 tỷ đồng.

\* Năm 2020: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: Ước đạt 16.221 tỷ 605 triệu đồng, bằng 88,2% dự toán (Ngân sách địa phương được hưởng: 12.554 tỷ 607 triệu đồng), *bao gồm:*

- Thu nội địa: Ước đạt 13.659 tỷ đồng, hoàn thành 100,1% dự toán trung ương và tỉnh, bằng 85% so với thực hiện năm 2019- Thu huy động đóng góp: ước đạt 90 tỷ đồng;

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Ước đạt 2.472 tỷ đồng, bằng 55,6% dự toán, bằng 64% so với thực hiện năm 2019;

- Thu huy động đóng góp: 90 tỷ đồng.

**2. Về tình hình quản lý số thu phí, lệ phí thu được, số chi từ nguồn phí để lại cho các cơ quan thu và số tiền phí, lệ phí nộp NSNN theo quy định:**

Căn cứ Luật phí, lệ phí, các Nghị định, thông tư hướng dẫn Luật Phí, lệ phí; hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính thực hiện rà soát mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; chủ động rà soát, đề nghị điều chỉnh quy định mức thu, chế độ, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí cho phù hợp.

Toàn bộ số thu phí, lệ phí được nộp vào ngân sách theo quy định; đồng thời hàng năm vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, UBND tỉnh giao cho Sở Tài chính cân đối, bố trí kinh phí phục vụ công tác quản lý thu phí, lệ phí cho các cơ quan đơn vị thực hiện công tác thu phí, lệ phí, đảm bảo nguồn kinh phí thường xuyên cho các đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí. Các khoản chi cho công tác thu phí, lệ phí được đảm bảo chi theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước.

**3. Đánh giá tình hình thực hiện cổ phần hóa và bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của địa phương giai đoạn 2016-2020**

Thực hiện Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước (DNNN), doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục DNNN thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện theo lộ trình cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước giai đoạn 2017-2020.

Về thoái vốn nhà nước: Ngày 17/8/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1232/QĐ-TTg phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020, cụ thể: năm 2017 tỉnh có 02/135 doanh nghiệp trên toàn quốc thực hiện thoái vốn, năm 2018 là 6/181, năm 2019 là 02/62, năm 2020 là 4/28 doanh nghiệp trên toàn quốc. Kết quả thực hiện thoái vốn từ năm 2017 đến hết năm 2020: 08 công ty cổ phần hoàn thành thoái vốn nhà nước theo tỷ lệ quy định.

Về cổ phần hóa: Ngày 10/7/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 phê duyệt Danh mục DNNN hoàn thành cổ phần hóa theo từng năm giai đoạn 2017-2020, Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục DNNN thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020 điều chỉnh về thời gian hoàn thành cổ phần hóa; tỉnh Hải Dương có duy nhất 01 DNNN thực hiện cổ phần hóa theo kế hoạch. Ngoài ra, tỉnh Hải Dương đã hoàn thành chuyển đổi 05

đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Hải Dương thành công ty cổ phần được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương và ủy quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo các văn bản số: 9802/VPCP-ĐMDN ngày 08/12/2014, 473/TTg-ĐMDN ngày 04/4/2017, 1660/TTg-ĐMDN ngày 02/11/2017.

Đối với giá sản phẩm hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá, mức hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: Đã ban hành Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 03/8/2018, 09/2019/QĐ-UBND ngày 03/4/2019 Quy định giá, mức hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

#### **4. Tình hình thực hiện chi và cơ cấu chi ngân sách địa phương**

Công tác quản lý điều hành và cân đối ngân sách luôn chủ động, tích cực bám sát các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Nghị quyết của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh trong từng thời kỳ, bố trí cơ cấu các khoản chi hợp lý, phù hợp với điều kiện ngân sách của tỉnh. Chủ động cân đối nguồn để đảm bảo kịp thời các nhiệm vụ cấp thiết phát sinh về khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, quốc phòng, an ninh; thực hiện tốt chương trình nông thôn mới, các đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và thực hiện các chính sách về an sinh xã hội và đã tự cân đối nguồn đảm bảo nhu cầu lương tăng thêm khi điều chỉnh tiền lương cơ sở.

- Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng nguồn lực cho chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực dịch vụ hành chính sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ, tinh giản bộ máy, biên chế, thực hiện cải cách lương; nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong các lĩnh vực chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách trong từng lĩnh vực, tập trung vào các dịch vụ thiết yếu, ngân sách nhà nước phải đảm bảo, hỗ trợ; rà soát các chính sách, chế độ an sinh - xã hội; tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công; Thực hiện hiệu quả kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước trung hạn; từng bước triển khai quản lý chi ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước gắn với việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm theo Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2016 của Chính phủ và gắn với lộ trình tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính giai đoạn 2016-2020; khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, tinh giản biên chế nhanh hơn lộ trình để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

- Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo sớm, quyết liệt ngay từ khi Chính phủ ban hành Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ về

cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập, trước khi Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 74-KH/TU, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1038/QĐ-UBND. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã đã tích cực triển khai thực hiện, tổ chức tập huấn, tham mưu ban hành các quy định, chế độ chính sách một cách kịp thời; hướng dẫn đôn đốc và phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc trong triển khai thực hiện với Bộ Tài chính, với Tỉnh ủy và UBND tỉnh để xin ý kiến chỉ đạo. Đến nay cơ bản đã xây dựng được các cơ sở pháp lý giúp các đơn vị thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ và thực hiện lộ trình chuyển đổi. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định về phân loại loại hình tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý giai đoạn 2018-2020; Quyết định về danh mục, định mức chi phí dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN; Các sở, ngành đã bước đầu đổi mới phương thức giao dự toán đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm giám sát và xử lý sai phạm trong hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập đã được tổ chức và thực hiện đảm bảo theo đúng kế hoạch, hạn chế xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, đảm bảo kết luận, kiến nghị chính xác, khách quan và có tính khả thi nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong việc thực hiện kết luận, kiến nghị và quyết định xử lý về thanh tra.

- Kịp thời sử dụng các khoản vốn vay tồn ngân kho bạc nhà nước cho các công trình dự án trọng điểm của tỉnh, cân đối nguồn và trả nợ đầy đủ, đúng hạn. Tích cực đôn đốc các đơn vị hoàn trả vốn vay ODA do tỉnh bảo lãnh.

**Kết quả thực hiện chi ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 như sau:**

- Năm 2016: Chi cân đối NSDP : 14.447 tỷ đồng đạt 117% dự toán giao. Trong đó:

+ Chi đầu tư XD CB: 2.051 tỷ đồng đạt 160% dự toán;

+ Chi thường xuyên: 8.424 tỷ đồng, đạt 119% dự toán.

- Năm 2017: Chi cân đối NSDP : 14.289 tỷ 549 triệu đồng đạt 146% dự toán. Trong đó:

+ Chi đầu tư XD CB: 2.631 tỷ 118 triệu đồng đạt 194% dự toán;

+ Chi thường xuyên: 8.025 tỷ 436 triệu đồng đạt 97% so dự toán Bộ Tài chính giao, 98% so với HĐND tỉnh giao.

- Năm 2018: Chi cân đối NSDP: 16.413 tỷ 205 triệu đồng đạt 162% dự toán. Trong đó:

+ Chi đầu tư XD CB: 3.574 tỷ 932 triệu đồng đạt 244% dự toán HĐND tỉnh giao;

+ Chi thường xuyên: 8.784 tỷ 521 triệu đồng đạt 104% so dự toán.



- Năm 2019: Chi cân đối NSDP đạt: 18.953 tỷ 212 triệu đồng đạt 169% dự toán. Trong đó:

+ Chi đầu tư XD CB: 5.159 tỷ 464 triệu đồng đạt 236% dự toán giao;

+ Chi thường xuyên: quyết toán là 9.747 tỷ 931 triệu đồng đạt 111% so dự toán.

- Năm 2020: Ước Chi NSDP: 18.996 tỷ 520 triệu đồng, đạt 140,4% dự toán năm. Trong đó:

+ Chi đầu tư XD CB: ước đạt 6.245 tỷ 383 triệu đồng, bằng 221,3%;

+ Chi thường xuyên: ước đạt 10.683 tỷ 199 triệu đồng, bằng 115,3% so với dự toán.

### **III. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách**

- Mặc dù số thu ngân sách về tổng thể tăng nhưng theo các chính sách điều tiết mới thì chủ yếu tăng thu nội địa ngân sách trung ương, phần thu nội địa ngân sách địa phương được hưởng rất thấp (chỉ khoảng 30% tổng số tăng) do đó rất khó để đảm bảo cân đối các nhu cầu phát sinh ngày càng tăng của địa phương, đặc biệt lộ trình thực hiện các đề án, các kế hoạch của tỉnh.

- Số thu nội địa của địa phương đặc biệt là ngân sách cấp tỉnh phụ thuộc rất lớn vào số nộp ngân sách của Công ty TNHH Ford Việt Nam (đạt trên 30% tổng số thu điều tiết NS cấp tỉnh), từ năm 2017 khi Hải Dương là tỉnh tự cân đối ngân sách thì đến nay 04 năm liền ngân sách cấp tỉnh bị hụt thu, do đó trong giai đoạn tiếp theo còn rất nhiều rủi ro trong cân đối ngân sách.

- Việc dự báo các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thu ngân sách vẫn còn chưa chính xác, dẫn đến trong năm nếu xảy ra hụt thu do nguyên nhân khách quan sẽ rất khó khăn trong việc cắt giảm các nhiệm vụ chi đã được Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh giao.

- Mặc dù được Chính phủ đưa vào tỉnh tự cân đối ngân sách, tuy nhiên nguồn lực tỉnh Hải Dương vẫn còn hạn chế, số thu hàng năm tăng không nhiều, trong khi rất nhiều các chế độ chính sách trung ương ban hành và các chính sách do tỉnh ban hành dẫn đến rất khó khăn về nguồn lực để đáp ứng các nhiệm vụ chi của tỉnh.

- Việc ban hành các cơ chế, chính sách của trung ương chưa đồng bộ dẫn đến việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách vẫn còn nhiều vướng mắc, khó khăn.

- Việc triển khai Nghị định 16/2015/NĐ-CP chưa đồng bộ cùng với việc ban hành chính sách của Trung ương dẫn đến khó khăn trong việc triển khai của địa phương.

## **B. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM TỈNH HẢI DƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025.**

### **I. Dự báo tình hình kinh tế trong 05 năm tới**

#### **1. Thuận lợi**

Trong 5 năm tới, dự báo khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó khu vực Đông Nam Á tiếp tục là khu vực phát triển năng động, đóng góp ngày càng lớn vào nền kinh tế toàn cầu. Việc thực hiện các hiệp định thương mại, đầu tư quốc tế mà Việt Nam tham gia mở ra cơ hội mới. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra thời cơ mới cho phát triển. Trong nước, kinh tế vĩ mô tiếp tục xu thế ổn định; Chính phủ tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia được nâng lên; chương trình chuyển đổi số quốc gia sẽ tạo điều kiện thuận lợi để có những bước phát triển mang tính đột phá. Trong tỉnh, những thành tựu, kinh nghiệm đã đạt được trong những năm qua; một số dự án lớn hoàn thành và đi vào hoạt động; với lợi thế về vị trí địa lý khi hoàn thiện một số dự án hạ tầng giao thông kết nối liên vùng sẽ mở ra cơ hội hợp tác, thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển mới. Một số doanh nghiệp lớn trong nước đã và đang nghiên cứu triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

#### **2. Khó khăn**

Trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng cạnh tranh chiến lược, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và gay gắt hơn; các nước lớn vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau quyết liệt; cạnh tranh thương mại ngày càng gay gắt. Kinh tế thế giới tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng và suy thoái do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Khu vực Đông Nam Á tiềm ẩn nhiều bất ổn, nhất là tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông ngày càng căng thẳng, quyết liệt hơn. Ở trong nước, nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều khó khăn thách thức; xu hướng già hóa dân số nhanh, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường ngày càng tác động mạnh, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển của đất nước. Kinh tế của tỉnh chưa có sự phát triển bứt phá so với tiềm năng, thế mạnh; môi trường đầu tư, kinh doanh chậm được cải thiện, thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, cải cách hành chính còn chậm. Việc giải phóng mặt bằng tiếp tục tiềm ẩn nhiều khó khăn.

### **II. Mục tiêu:**

#### **1. Một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2020-2025**

1.1 Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng bình quân 9% trở lên; GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 115 triệu đồng (tương đương 4.800 USD).

1.2. Thu nhập thực tế bình quân đầu người/năm đến năm 2025 đạt 85 triệu đồng.

1.3. Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 8,0%, công nghiệp - xây dựng 61,5%, dịch vụ 30,5%; đến năm 2030 là: 6,0% - 63,8% - 30,2%. Cơ cấu lao động tương ứng trong từng lĩnh vực đến năm 2025: 19% - 50,5% - 30,5%

1.4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ năm 2025 đạt 33% (đến năm 2030 đạt 43%); tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội phần đầu đạt 55% (đến năm 2030 phần đầu đạt 65%), tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đến năm 2025 đạt 95%.

1.5. Tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt 50%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt 8,5%/năm.

1.6. Số doanh nghiệp thành lập mới tăng hằng năm từ 15% trở lên.

1.7. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 210 triệu đồng.

1.8. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025 đạt 20%.

1.9. Thu ngân sách nội địa tăng bình quân 10%/năm.

1.10. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt trên 45%, năm 2030 đạt trên 60%.

1.11. Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2025 đạt 0,77; đến năm 2030 đạt 0,80.

1.12. Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia năm 2025: Mầm non: 70%; Tiểu học: 98,7%; THCS: 95%; THPT: 80%.

1.13. Năm 2025: Số giường bệnh (không tính các trạm y tế cấp xã) đạt 36 giường/vạn dân (năm 2030 là 40,4 giường/1 vạn dân); 10 bác sĩ/vạn dân.

1.14. Phần đầu giảm 4/5 số hộ nghèo trong vòng 5 năm theo chuẩn mới; vào năm 2025 tỷ lệ thất nghiệp giảm còn 3% - 4%, tỷ lệ thiếu việc làm giảm còn 2%.

## **2. Mục tiêu**

- Phần đầu thực hiện nhiệm vụ thu chi cân đối ngân sách, đảm bảo nguồn lực chi trả nợ, chi các đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng, tăng chi đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025.

- Từng bước cơ cấu lại NSNN theo hướng đảm bảo an toàn, bền vững góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, tăng cường huy động, quản lý, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển văn hóa, con người, bảo đảm an

sinh xã hội, tăng cường phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Thực hiện huy động, phân bổ, sử dụng nguồn NSNN theo các ưu tiên chiến lược của địa phương; phân cấp phù hợp giữa tỉnh, huyện, xã, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh; thực hiện thu, chi, nợ công theo đúng dự toán, tăng cường kỷ luật, kỷ cương NSNN.

### **III. Về thu ngân sách nhà nước**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 ước đạt 92.570,372 tỷ đồng. Trong đó: Thu nội địa ước: 78.864,500 tỷ đồng; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước: 13.705,872 tỷ đồng.

#### **Cụ thể các năm như sau:**

##### **1. Năm 2021**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 12.997,500 tỷ đồng, *trong đó:*

- Thu nội địa: ước đạt 10.997,500 tỷ đồng;
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước đạt 2.000 tỷ đồng.

##### **2. Năm 2022**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 15.889,274 tỷ đồng, *trong đó:*

- Thu nội địa: ước đạt 13.367,000 tỷ đồng;
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước đạt 2.522,274 tỷ đồng.

##### **3. Năm 2023**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 18.188,501 tỷ đồng, *trong đó:*

- Thu nội địa: ước đạt 15.414,000 tỷ đồng
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước đạt 2.774,501 tỷ đồng.

##### **4. Năm 2024**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 20.634,951 tỷ đồng, *trong đó:*

- Thu nội địa: ước đạt 17.583 tỷ đồng;
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước đạt 3.051,951 tỷ đồng.

##### **5. Năm 2025**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 24.860,146 tỷ đồng, *trong đó:*

- Thu nội địa: ước đạt 21.503,000 tỷ đồng;
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: ước đạt 3.357,146 tỷ đồng.

### **IV. Về chi ngân sách:**

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 ước đạt 76.040,698 tỷ đồng, trong đó:

- Chi đầu tư XDCB: 23.343,428 tỷ đồng
- Chi thường xuyên: 50.112,505 tỷ đồng

- Chi trả nợ lãi vay:	116,867	tỷ đồng
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	6,150	tỷ đồng
- Chi dự phòng ngân sách:	1.508,704	tỷ đồng
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương:	952,044	tỷ đồng

### 1. Năm 2021

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương:	11.395,765	tỷ đồng
Trong đó:		
- Chi đầu tư XDCB:	2.888,070	tỷ đồng
- Chi thường xuyên:	8.275,210	tỷ đồng
- Chi trả nợ lãi vay:	5,700	tỷ đồng
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	1,230	tỷ đồng
- Chi dự phòng ngân sách:	225,555	tỷ đồng

### 2. Năm 2022

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương:	13.832,801	tỷ đồng
Trong đó:		
- Chi đầu tư XDCB:	4.096,877	tỷ đồng
- Chi thường xuyên:	9.449,702	tỷ đồng
- Chi trả nợ lãi vay:	14,808	tỷ đồng
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	1,230	tỷ đồng
- Chi dự phòng ngân sách:	270,184	tỷ đồng

### 3. Năm 2023

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương:	15.049,539	tỷ đồng
Trong đó:		
- Chi đầu tư XDCB:	4.676,327	tỷ đồng
- Chi thường xuyên:	10.045,034	tỷ đồng
- Chi trả nợ lãi vay:	27,766	tỷ đồng
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	1,230	tỷ đồng
- Chi dự phòng ngân sách:	298,182	tỷ đồng

### 4. Năm 2024

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương:	16.238,903	tỷ đồng
Trong đó:		
- Chi đầu tư XDCB:	5.179,815	tỷ đồng
- Chi thường xuyên:	10.695,337	tỷ đồng
- Chi trả nợ lãi vay:	39,597	tỷ đồng
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	1,230	tỷ đồng

- Chi dự phòng ngân sách: 322,924 tỷ đồng

### **5. Năm 2025**

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 19.523,690 tỷ đồng

Trong đó:

- Chi đầu tư XDCB: 6.502,339 tỷ đồng

- Chi thường xuyên: 11.647,222 tỷ đồng

- Chi trả nợ lãi vay: 28,996 tỷ đồng

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,230 tỷ đồng

- Chi dự phòng ngân sách: 391,859 tỷ đồng

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 952,044 tỷ đồng

### **V. Dự kiến bội chi NSDP giai đoạn 2021-2025:**

Tổng bội chi giai đoạn 2021-2025 dự kiến 1.002,955 tỷ đồng, cụ thể:

Ước bội chi ngân sách địa phương năm 2021: 118 tỷ đồng, năm 2022: 279,003 tỷ đồng; năm 2023: 311,020 tỷ đồng; năm 2024: 264,290 tỷ đồng; năm 2025: 30,642 tỷ đồng.

### **VI. Kế hoạch vay và trả nợ vay giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hải Dương**

Thực hiện Công văn số 01/CV-HĐND ngày 4/1/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Thông báo số 1116-TB-TU ngày 14/11/2018 của Tỉnh ủy Hải Dương thông báo kết luận của Ban Thường vụ về việc thực hiện tiểu dự án: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập thuộc tiểu dự án WB8 tỉnh Hải Dương. Hiện nay, dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập thuộc tiểu dự án WB8 tỉnh Hải Dương đã thực hiện ký kết hợp đồng cho vay lại với Bộ Tài chính; Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục để ký kết hợp đồng cho vay lại với Bộ Tài chính.

Dự kiến giai đoạn 2021-2025 tổng nhu cầu vốn vay của 2 dự án là 1.002,955 tỷ đồng, trong đó: năm 2021 là 118 tỷ đồng, năm 2022: 279,003 tỷ đồng; năm 2023: 311,020 tỷ đồng; năm 2024: 264,290 tỷ đồng; năm 2025: 30,642 tỷ đồng

Giai đoạn 2021-2025 dự kiến thực hiện trả nợ vốn vay của 5 dự án, trong đó có 3 dự án đã thực hiện nghĩa vụ từ giai đoạn 2016-2020, bao gồm:

- Dự án năng lượng nông thôn ReII,
- Dự án cấp nước sạch về VSNT Đồng bằng Sông Hồng,
- Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến phân hữu cơ từ rác thải sinh hoạt tỉnh Hải Dương;
- 02 dự án phát sinh trả nợ trong giai đoạn 2021-2025, bao gồm:

+ Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương,

+ Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập WB8

Tổng Kế hoạch trả nợ giai đoạn 2021-2025 là 230,887 tỷ đồng, trong đó:

+ Trả nợ gốc: 114,020 tỷ đồng

+ Trả nợ lãi: 116,867 tỷ đồng

Cụ thể:

- Năm 2021: trả nợ gốc 23,6 tỷ đồng, trả nợ lãi 5,700 tỷ đồng

- Năm 2022: trả nợ gốc 24,057 tỷ đồng, trả nợ lãi 14,808 tỷ đồng;

- Năm 2023: trả nợ gốc 23,837 tỷ đồng, trả nợ lãi 27,766 tỷ đồng;

- Năm 2024: trả nợ gốc 21,254 tỷ đồng, trả nợ lãi 39,597 tỷ đồng;

- Năm 2025: trả nợ gốc 21,254 tỷ đồng, trả nợ lãi 28,996 tỷ đồng

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

#### **VII. Dự báo những rủi ro tác động đến kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025:**

- Kế hoạch tài chính 05 năm địa phương 2021-2025 được xây dựng trên cơ sở các dự tính về chỉ tiêu thu. Tuy nhiên, thực tế cho thấy thu ngân sách địa phương không ổn định, chịu ảnh hưởng khá lớn từ số thu nộp NSNN của Công ty TNHH Ford Việt Nam, trong khi đó chưa khai thác, xây dựng được nguồn thu nào lớn đủ bù đắp được trong trường hợp hụt thu khu vực này.

- Trong khi các chính sách về tiền lương, về chế độ an sinh xã hội ngày một tăng, lộ trình nhu cầu kinh phí cho các đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng năm sau cao hơn năm trước, các kế hoạch, đề án địa phương xây dựng để triển khai các Nghị quyết của Trung ương tiếp tục ban hành, nhiệm vụ chi phát sinh lớn, cân đối ngân sách địa phương sẽ khó đáp ứng được kế hoạch tăng chi đầu tư phát triển.

- Tốc độ tăng thu năm sau so với năm trước đạt trên 10% nhưng phân điều tiết ngân sách địa phương không cao trong khi đó kinh phí tiết kiệm chi do thực hiện lộ trình chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập các Bộ ngành hướng dẫn để sử dụng thực hiện chính sách, điều chỉnh tiền lương, tạo nguồn cải cách tiền lương, tăng chi nội dung cấp bách theo lĩnh vực dẫn đến khó để giảm chi thường xuyên tăng chi đầu tư phát triển.

- Việc vay vốn ODA và bảo lãnh vay vốn ODA sẽ tạo điều kiện phát triển hệ thống hạ tầng đô thị, hệ thống y tế, rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà trong những năm tiếp theo những cũng còn khó khăn trong việc bố trí vốn đối ứng và tiềm ẩn rủi ro trong việc bố trí vốn trả nợ dẫn đến căng

thăng trong thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn những năm sau thời gian gia hạn.

## **VII. Giải pháp thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025:**

- Triển khai thực hiện chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế vào NSNN với mức độ viên hợp lý theo quy định, nhằm tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất trong tỉnh phát triển. Xây dựng Ngành Thuế tỉnh Hải Dương hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; công tác quản lý thuế, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện dựa trên ba nền tảng cơ bản: Thể chế chính sách thuế minh bạch, quy trình thủ tục hành chính thuế đơn giản, khoa học phù hợp với thông lệ quốc tế; nguồn nhân lực có chất lượng, liêm chính; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, có tính liên kết, tích hợp, tự động hóa cao.

- Hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý doanh nghiệp, quản lý nguồn thu trên địa bàn tỉnh; Chuẩn hóa quy trình quản lý thuế trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo thống nhất, có tính liên kết cao; thực hiện tốt việc xây dựng và áp dụng chế độ kế toán thuế đảm bảo ghi chép đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Triển khai thực hiện tốt chế độ quy định về quản lý thanh tra, kiểm tra thuế đối với người nộp thuế trên cơ sở quản lý rủi ro; xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế trên cơ sở đó thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro, phân loại người nộp thuế tại tất cả các khâu đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế từ đó lựa chọn đối tượng cần thanh tra, kiểm tra.

- Thực hiện nghiêm các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính trong đó có thủ tục hành chính thuế theo hướng đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, ít tốn kém, giảm thời gian; Triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông giữa thủ tục hành chính thuế với một số thủ tục hành chính khác có liên quan theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tạo thuận lợi và giảm thời gian thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký khai thuế của doanh nghiệp và người dân.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại chi ngân sách (cả chi đầu tư và chi thường xuyên), tập trung vào các nhiệm vụ thiết yếu, tăng quyền hạn và trách nhiệm trong công tác lập dự toán, quản lý và sử dụng NSNN các cấp, các đơn vị sử dụng NSNN, đồng thời thúc đẩy công khai minh bạch ngân sách, tăng cường trách nhiệm giải trình; từng bước giảm chi thường xuyên NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công lập, chỉ tập trung vào các dịch vụ công NSNN phải đảm bảo và hỗ trợ một phần theo lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công và thực hiện cơ cấu lại chi đối với từng lĩnh vực gắn với thực hiện đổi mới khu vực



sự nghiệp công lập.

- Do nguồn thu ngân sách khó đạt mục tiêu, trong khi nhu cầu chi rất lớn, vì vậy để quản lý cân đối ngân sách, đồng thời với việc thực hiện các định hướng cải cách lương, song song giảm dần chi thường xuyên, thực hiện tinh giảm biên chế, cơ cấu lại chi ngân sách theo các Nghị quyết của Bộ Chính trị, của Chính Phủ cần thực hiện nghiêm túc hạn chế không ban hành các chính sách, các đề án, các nhiệm vụ chi khi chưa cân đối được nguồn, chỉ thực hiện sử dụng nguồn dự phòng 10% trên tổng mức kế hoạch đầu tư công trung hạn khi nguồn thu đạt kế hoạch. Phấn đấu tăng thu nội địa hàng năm để dành nguồn tăng chi đầu tư đảm bảo kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025.

- Trong dài hạn cùng với việc đẩy nhanh lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công, thực hiện kiến nghị với Trung ương rà soát lại tỷ lệ chi cứng một số lĩnh vực lớn ( giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ) để đảm bảo tính linh hoạt trong quản lý điều hành ngân sách địa phương, dành nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển.

- Thực hiện cơ cấu lại chi đầu tư công, cải thiện mạnh hiệu quả đầu tư công theo hướng tập trung đầu tư vào các lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác không tham gia; đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung các công trình có quy mô lớn, có sức lan tỏa, bố trí vốn đối ứng vốn ODA cho các công trình quan trọng, thu hồi vốn ứng trước, thanh toán nợ đọng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn cho các công trình chuyển tiếp cấp thiết; hỗ trợ cho các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng quan trọng theo hình thức đối tác công tư, thực hiện tốt chức năng vốn môi, giảm dần quy mô đầu tư nhà nước, thúc đẩy đầu tư ngoài nhà nước, đầu tư cho xây dựng nông nghiệp và nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, hạn chế phê duyệt dự án mới khi chưa cân đối được nguồn vốn.

Trên đây là báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu dự họp kỳ họp thứ 15 HĐND tỉnh khoá XVI;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, Thư (30b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Dương Thái**

